

## **Bài 99. Kinh Tăng Chi | Chương Bốn pháp | Phẩm Loài Người (tt) | Sư Giác Nguyên giảng 01/08/2018**

Hôm qua cứ lo đánh một vòng quan trọng mà quên cho các vị viết nội dung kinh theo số giải. Nên bữa nay chúng ta ôn lại chút xíu, bà con nào muốn chép lại nội dung bắt buộc phải lấy cái note chỗ này.

Ở đây có bốn hạng người:

1. Người tội lỗi: ám chỉ người phàm phu không biết tí gì về đạo, bao gồm các loài sa đọa. Giống như con dòi trong phân thì gọi là hạng nhiều tội lỗi.
2. Hạng chúng sanh nhiều tội: ám chỉ hạng phàm phu có nghe chánh pháp. Giống như chúng ta, là hạng làm người nhưng dính nhiều phân.
3. Hạng ít tội lỗi: ám chỉ các tằng Thánh hữu học từ Sơ quả đến Tam quả. Họ vẫn còn phiền não nhưng phiền não ấy không đủ tạo nghiệp sa đọa.
4. Người không tội lỗi: ám chỉ vị La-hán.

Bây giờ mình học: Có Giới (1).

Có Giới gồm bốn hạng người:

1. Không đầy đủ cả ba: giới, định, tuệ: ám chỉ tất cả phàm phu không biết tu hành.

Phàm phu mình giống như đứa bé trong bệnh viện, hễ khi nào đau thì khóc, khi nào có đồ ăn đồ chơi thì nhăn răng ra mà cười. Hoàn toàn không hề biết được rằng mình đang ở Bệnh viện Nhi Đồng 1 hay Bệnh viện Nhi Đồng 2. Ở một độ tuổi nào đó, con nít nó sẵn sàng nhăn răng ra nó cười mà nó không hề biết nó đang ở bệnh viện. Lúc nó bị chích thuốc, bị đau, bị bệnh hành thì nó khóc. Còn khi hết đau, chỉ cần ta cho đồ chơi, kẹo bánh, bút màu... thì ảnh nhăn răng ra ảnh cười, chớ hề biết bệnh viện nó là cái gì. Mới ba tuổi thì làm sao hiểu.

Phàm phu mình còn phạm giới là vì mình còn dục ái và sân, thích trong năm dục và bất mãn trong năm dục. Tất cả mọi vi phạm của giới luật đều do dục ái và sân. Tất cả phiền não nào đủ mạnh để khiến ta phạm giới thì mới đủ mạnh để đưa ta sa đọa.

2. Đây đủ giới, thiếu định, tuệ: ám chỉ cho hành giả tu Tứ niệm xứ thứ thiệt, sukkhavipassaka, Sơ quả, Nhị quả mà không có thiền.

Chữ sukkhavipassaka là hạng hành giả tu Tứ niệm xứ thứ thiệt nhưng không tu samatha. Đối với hạng này, giới là không có gì để nói, nhưng định và tuệ của vị này vẫn còn khiếm khuyết.

Giới của các vị này là ok rồi, nhưng định của vị Sơ và Nhị quả vẫn còn chút khiếm khuyết. Bằng chứng là nếu không chứng thiền thì hai tầng Thánh này vẫn còn phải tái sinh cõi dục. Riêng vị Tam quả, dù chưa từng tu samatha ngày nào, nhưng chỉ cần tắt thở ở cõi dục thì lập tức phải sinh về các cõi Sắc giới Sơ thiền.

Vì định chưa đủ nên năm triền vẫn chưa sạch, thế là phải sinh lại cõi dục. Riêng Tam quả, dù không chứng thiền, cũng không còn năm triền cái nữa, do định tâm của tầng Thánh này rất mạnh.

Vị Tu-đà-hoàn giống như người mười tám tuổi ở trong bệnh viện. Họ biết rằng đây là bệnh viện, họ biết mình đang bị bệnh gì và họ không còn muốn ở lại bệnh viện thêm phút giây nào nữa. Chỉ cần đi được là đi liền. Tuy nhiên, vì bệnh viện đẹp quá, chế độ chăm sóc như ý quá, nên khi đi cũng còn nấn ná, nhưng mà rất là oải rồi.

Vị Sơ quả và Nhị quả dù vẫn còn dục ái, nhưng dục ái của họ không giống như của phàm phu. Dục ái ấy không đủ để phạm giới, không đủ để sa đọa. Vị Tu-đà-hoàn giận gì thì giận nhưng cũng không sát sanh, không đập muỗi. Thánh nhân không thể nào vi phạm học giới mà mình đã thọ trì. Nhiều người cứ nói Tu-đà-hoàn sẽ không phạm ngũ giới, nhưng thực ra phải nói là Sơ quả không thể vi phạm giới nào mình đã nhận.

Ví dụ như giới xuất gia. Có những vị cư sĩ do có vợ chồng nên họ không thọ bát quan. Thà chết chứ không phạm năm giới. Còn hôm nào họ thọ bát quan thì thà chết chứ không phạm bát giới. Khi mà họ là sa-di thì thà chết chứ họ không phạm giới sa-di. Là tỳ-kheo thì thà chết chứ họ không có bỏ giới tỳ-kheo.

Từ nay về sau nghe bài giảng này rồi đừng có nói là Tu-đà-hoàn không có phạm ngũ giới. Không có phải. Tu-đà-hoàn là không có phạm bất cứ giới nào mà họ đã nhận, tức đã thọ.

3. Đầy đủ giới, định, chỉ thiếu tuệ: ám chỉ cho vị Tam quả.

Sở dĩ Tam quả được xem là chưa đầy đủ triệt để về tuệ, vì vị này vẫn chưa thấu suốt trọn vẹn Bốn đế. Nên tuy không còn dục ái, vị Tam quả vẫn còn đắm mê trong thiền lạc, nên vẫn còn có thể tái sanh trong các cõi Phạm thiên.

Tôi đã nói với bà con nhiều lần là kinh Tứ Diệu Đế là bà con phải học thuộc lòng. Bởi khi giảng kinh diễn trong những trường hợp như thế này là không thể nào không nhắc đến Bốn đế. Có nghĩa là cái hiểu về Niết-bàn của vị Tam quả là không còn chỗ chê rồi đó. Nhưng mà vẫn chưa được sạch sẽ như vị A-la-hán.

Giống như hôm qua tôi ví dụ: đã ra khỏi bệnh viện rồi nhưng cái lòng vẫn còn thấy thích thích mấy cái luống hoa trong đó. Giống như chờ người nhà đem xe đến rước, nhưng ngồi đó trong khu vườn bệnh viện dòm chút chút, gió mát mát, mùi thơm thơm, ngồi thấy vui vui... Vẫn còn thích một chút, chứ không phải là đắm mê. Đó là vị Tam quả.

Vị này chỉ còn thiếu chút xíu tuệ về Bốn đế. Vị này đã hiểu: mọi thứ ở đời là khổ, thích cái gì cũng là thích trong khổ, muốn hết khổ thì đừng thích trong khổ nữa, nhận thức và hành trì chính là con đường thoát khổ. Vị này hiểu hết, nhưng cái hiểu của vị này về Bốn đế so với vị La-hán vẫn còn một tí thiếu sót.

Niềm thích thú của vị Tam quả trong thiền không hề thơ ngây và nặng nề như của phàm phu. Thơ ngây có nghĩa là mù tịt, không biết mình đang ở trong bệnh viện. Nặng nề là đắm đuối trong đó, coi đó là toàn bộ cuộc sống, toàn bộ vũ trụ. Vị đó không có, chỉ có thích nhẹ thôi.

4. Đầy đủ giới, định, tuệ: ám chỉ cho vị A-la-hán.

Giống như vị La-hán là đã ớn bệnh viện lên tới nóc luôn. Nghĩa là muốn đi liền chứ không muốn nấn ná một phút giây nào hết.

Tiếp theo là Có Giới (2).

Mình bàn về chữ garu hay guru, đều có nghĩa là nặng hay mạnh. Chữ garava có nghĩa là tôn kính hay coi nặng, xem trọng. Ở đây, nếu mà ta dùng chữ “kính trọng” thì rất không nên đối với các tầng Thánh. Mình làm sao có thể nói vị Tu-đà-hoàn không tôn trọng định học hay tuệ học được. Mình là phàm, mình biết đạo ba mớ, le que mà mình còn không chịu cái chữ “tôn trọng” ở đây, nói chi người ta là Thánh.

Vì sao tôi đề nghị phải sửa lại cái chữ này? Vì trong chú giải, gom chung hai kinh 136 và 137 để giải thích cùng lúc.

1. Đều yếu về cả ba: giới, định, tuệ. Ở đây là yếu chứ không phải là không tôn trọng.
2. Chỉ mạnh về giới, lại yếu về định và tuệ.
3. Chỉ mạnh về giới và định, lại yếu về tuệ.
4. Mạnh cả ba: giới, định, tuệ.

Bốn hạng này cũng phải được hiểu như bốn hạng người ở kinh trước.

Xem lại kinh đã giải thích ở trên.

Tiếp theo là (VIII) Kinh Viễn Ly (Nikāṭṭhasuttam)

Bữa nay mình học thêm một số chữ: viveka, pavitta, nikaṭṭha đều có nghĩa là viễn ly.

Ở đây Phật dạy có bốn hạng người này bao gồm tất cả chúng sinh ở đời:

1. Thân viễn ly, tâm không viễn ly (nikaṭṭhakāyo anikaṭṭhacitto): ám chỉ những chúng sanh sống nơi vắng vẻ, thanh tịnh, nhưng lòng chìm sâu trong ba tà tư duy, tức những suy nghĩ bậy bạ, tội lỗi.

2. Thân không viễn ly, tâm viễn ly (anikaṭṭhakāyo nikaṭṭhacitto): ám chỉ cho những hạng chúng sanh tuy sống trong những chỗ không yên tĩnh, nhưng lòng không có tà tư duy.

Ba tà tư duy là:

Dục tư duy: thích thú trong năm dục.

Sân tư duy: bất mãn trong năm dục.

Hại tư duy: những suy nghĩ hướng đến việc chống phá, đập đổ, tiêu hủy, phá hoại đến đối tượng nào đó, dầu người hay vật.

3. Thân không viễn ly, tâm không viễn ly (anikaṭṭhakāyo ca anikaṭṭhacitto ca): sống chỗ ồn ào mà tâm cũng không thanh tịnh luôn.

4. Thân viễn ly và tâm viễn ly (nikaṭṭhakāyo ca nikaṭṭhacitto ca): sống chỗ yên tĩnh và tâm cũng thanh tịnh.

Mình là phải học bốn hạng người này để mỗi ngày mình dò coi mình thuộc loại nào. Cứ nhớ, mỗi lần đến chùa, thiền viện, hay đi kinh hành thì cứ nhớ bài kinh này vắng vắng bên tai là ta thuộc cái loài nào ha.

Thân viễn ly là có rồi đó, vì thân đang ở chùa, ở thiền viện, ở rừng, núi, mà tâm mình có viễn ly không? Viễn ly trong kinh nói rõ luôn là có rồi ba cái tà tư duy không. Còn

thích, còn ghét cái này cái nọ không? Còn có ý muốn chống phá, đập đổ, chà đạp, gây xúc phạm tới người hay vật nào hay không, đó là hại tư duy.

Hành giả phải luôn nhớ như vậy: thân của ta giờ có đang viễn ly hay không? Viễn ly là rời xa đám đông, tiếng động, âm thanh. Thân ta giờ đang yên tĩnh mà tâm ta có đang yên tĩnh hay không?

Bài kinh này thì bà con suy ra được, nhưng tôi cứ nhắc chừng để gợi ý thôi. Quan trọng ở chỗ nào? Tùy kiểu tu mà ta thành ra loại người gì. Dầu ở đâu đi nữa, mà cứ tâm luôn luôn viễn ly, rời xa ba cái tà tư duy, thì kiểu tu này sẽ dẫn đến thánh trí.

Còn mình chỉ lo hình thức thì sẽ được toàn hình thức. Nghĩa là lo ngồi giữ hông cho vững mà giữ cổ cho thẳng, thân thì đem vô thiền viện, sinh hoạt đi đứng đều theo hành giả khác, nhưng mà cái tâm không giống ai hết. Thì cái loại này chỉ lo cho hình thức, thì nó cũng chỉ được cái hình thức thôi.

Lo cho nội dung thì sẽ được toàn nội dung.

Có nhiều người tu có giới, định, tuệ, nếu mà đắc Thánh thì mình không nói tới rồi. Còn nếu chưa đủ duyên, vẫn tiếp tục là phàm thì nó vẫn khác. Những người đi chùa làm tùm lum phước, kiếp sau sanh ra đẹp trai thì có đẹp trai, cười thì cũng ngon lành, nhưng mà cái đầu thì rỗng không. Là bởi vì do kiếp xưa họ cũng chỉ tu cái hình thức thôi. Cho nên bây giờ sanh ra, về ngoại diện ngó cũng ok mà cái đầu thì empty. Cho nên kiểu tu như thế nào thì nó sẽ dắt mình đi về cái phương trời tương ứng như vậy.

Tiếp theo là (IX) Kinh Thuyết Pháp (Dhammakathikasuttam), còn gọi là Kinh Nuốt Nhục

Kinh này nói đến bốn trường hợp xướng tùy, hô ứng, có nghĩa là kẻ này dạy cho người kia học, của thầy trò trong Phật pháp.

1. Thầy nói ít và nội dung tào lao, trò cũng y hệt như vậy.

2. Thầy nói ít nhưng có nội dung hữu ích, trò cũng tương xứng với thầy.
3. Thầy nói nhiều điều tào lao và trò cũng không hơn gì thầy.
4. Thầy nói nhiều có nội dung hữu ích và trò cũng là người có trình độ.

Điều cốt lõi ở đây không phải nói ít hay nhiều, mà là hữu ích hay vô ích, và người nghe có hiểu ra cái điều đó hay không. Nguyên bài kinh chỉ gói gọn trong bấy nhiêu đây thôi. Sở dĩ Đức Phật không gom gọn bởi vì Ngài nói cho nguyên một đám đông thì làm sao mà nói gọn được. Có bao nhiêu người cần uống thuốc chuyển kiếp ngời trong đó, mà bây giờ mình nói gọn thì ai hiểu đây? Cho nên phải nói đầy đủ.

Nhưng hôm nay chúng ta ngồi làm việc với nhau trong lớp học này, sau khi đi một vòng bao la bát ngát thì chúng ta có quyền làm gọn lại như vậy. Nguyên bài kinh chỉ có bao nhiêu đó.

Đa số chúng ta có cái bệnh là hội chứng tâm lý quần chúng. Có nghĩa là chúng ta cứ nháo nhào hòa theo đám đông để nghe những thầy gọi là danh tăng, danh sư nổi tiếng mà nhiều khi mình không hiểu gì hết. Nhưng mà cứ theo đám đông mà đi theo.

Điều quan trọng trong Phật pháp không phải là mình đi theo đám đông vì tiếng tăm của ai đó, mà vì mình đã nghe được cái gì. Đức Phật Ngài dạy cái hội chúng như vậy, cái hội chúng mà có khả năng biện biệt, xem xét rõ ràng, không nhầm lẫn, thì hội chúng đó mới tương xứng với các vị minh sư.

Có những trường hợp mà thầy trò không tương xứng là sao? Ông thầy có trình độ mà học trò thì dốt đặc, hoặc là học trò có trình độ mà ông thầy thì dốt đặc. Trường hợp thứ ba là học trò và thầy đều dốt đặc. Trường hợp thứ tư là cả thầy và trò đều có trình độ.

Các vị cũng đừng có bắt chước nói câu: “Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã.” Tôi xin thưa với quý vị, câu đó chưa chắc đúng 100%, bởi vì có trường hợp mà Thành Cát Tư Hãn

hỏi mấy đứa con trước khi ổng mất. Ổng kể cho các con nghe hai câu chuyện ngụ ngôn rồi các con tự hiểu.

Câu chuyện thứ nhất:

Trường hợp một: một con rắn nhiều đuôi, một đầu.

Trường hợp hai: một con rắn nhiều đầu, một đuôi.

Thì hai con này, con nào dễ sống và con nào dễ chết hơn?

Lúc đó các hoàng tử mới tranh nhau trả lời: “Dạ, nhiều đầu thì nó tính toán nhanh hơn một đầu, nó được ăn nhiều hơn.”

Cái đám thứ hai thì nhíu mày, nó suy nghĩ: “Dạ không, con chọn cái một đầu mà nhiều đuôi là bởi vì nó không có sự chống trái, kình chống, xung đột với nhau.”

Điều đó có nghĩa là cái đầu nó quan trọng lắm. Câu chuyện này nó chỉ nói về cái đầu thôi nha.

Câu chuyện thứ hai:

Trường hợp một: một bầy cừu mà do một con sư tử cầm đầu.

Trường hợp hai: một bầy sư tử mà do một con cừu cầm đầu.

Thì ta hỏi các con, bầy nào mạnh hơn, làm việc hữu hiệu hơn?

Hai câu chuyện này, khi room khép lại, mọi người về gác chân lên trán suy nghĩ hai câu chuyện này. Tại sao tôi nói hai câu chuyện đó trong bài kinh này? Bài kinh này nói về cái gì?

Bài kinh này nói về: thầy nói nhiều hay nói ít, nói vô ích hay là hữu ích. Đây là về phía thầy, nhưng mà trò là phải có khả năng nhận ra điều đó. Nhận ra ở đây ông thầy

này nói nhiều hay nói ít, ông thầy này nói cái chuyện tào lao hay chuyện xài được. Đây là chuyện của học trò mà mình không thể nào lẫn lộn được.

Chuyện của ông là chuyện của ông, chuyện của mình là chuyện của mình. Dầu ông thầy ông dốt cỡ nào, nói chuyện tào lao cỡ nào, nhưng mà ta phải nhận ra là ông tào lao là ta đã khá rồi. Khi mà trò thấy được ông thầy tào lao thì học trò đã không còn tào lao nữa.

Hội chúng nào cũng vậy hết. Đôi khi mình thấy ông thầy là sư tử, còn nguyên đám học trò là nguyên bày cừu. Nhưng có trường hợp ông thầy là con cừu, còn nguyên đám học trò là nguyên bày sư tử. Thì tùy mình thôi.

Hạng Pháp Sư

Ở đây Ngài Minh Châu dịch là “Thuyết trình”, nhưng trong Chánh tạng dịch là “Pháp Sư”. Tiếng Pali là dhammakathika.

Pariyādāna có nghĩa là bế tắc, điểm kết thúc, chỗ dứt điểm.

Có 4 hạng pháp sư:

1. Chữ nghĩa, ngôn từ thoải mái nhưng nghĩa lý không thông.

Có trường hợp có người nói năng lưu loát, rất hay, mình ngồi mình nghe vỗ tay mãi luôn. Nhưng tới lúc đi về nhà, mình không biết họ nói cái gì, không biết có bỏ túi được cái gì không.

Nói tới đây tui nói bên Âu, Mỹ nó đều lắm. Miệng nó nói là party, nhưng tới nó cho ăn cái gì không? Nó bày ra bia rượu, rồi trái cây, xà lách. Nếu mà rời bàn tiệc của Âu Mỹ về là cái bụng trống rỗng. Đó là kiểu ăn của Âu Mỹ. Còn bên Á Châu, một khi mà nó mời tiệc là một hồi mình đứng lên không nổi.

2. Nghĩa lý sâu sắc nhưng phải loay hoay, lúng túng về ngôn từ diễn đạt.

Trường hợp này có. Trong kinh nói có các vị Thánh La Hán ngại không thuyết pháp. Có nghĩa cái hiểu của Ngài không ai dám chê rồi, nhưng cứ loay hoay, Ngài nói vì chữ Ngài không có đủ. Có những vị Thánh mà không đắc 4 trí vô ngại: nghĩa vô ngại, pháp vô ngại, từ vô ngại, biện vô ngại. Những vị mà không đắc 4 trí vô ngại thì còn hay lúng túng.

Kinh số giải Apadāna gọi thánh nhân ăn nói không suông là người cầm năm chiêm bao. Ví dụ: người cầm thấy cái đó ngoài đời thật, nếu mà nói không được thì họ nắm tay, họ kéo mình lại đó cho mình coi. Còn đằng này cái họ muốn diễn đạt không có ở ngoài đời mà nó nằm trong giấc mơ, thì tui hỏi bà con nghĩ thử ông cầm đó ổng diễn tả kiểu gì. Ở đây cũng vậy, những gì mà bậc Thánh hiểu rất trừu tượng, sâu xa, huyền nhiệm, vi diệu. Khi mà không đủ các ngôn từ thì các Ngài làm sao nói cho người khác hiểu đây. Cho nên trong kinh mới ví dụ như người cầm gậy chiêm bao.

3. Cả hai ngữ nghĩa đều trực trặc.

4. Cả hai đều ngon lành.

Bài kinh này nhắc ta phải lưu ý những gì mắt thấy tai nghe. Đôi khi vẻ ngoài thú vị mà nội hàm không có gì, để ta khỏi phải mất thời gian, tâm tư, công sức, đôi khi còn là tiền bạc nữa.

Bỏ hết công việc ở công ty chạy về nghe pháp. Tưởng sao nghe cả buổi có một vấn đề duy nhất là làm con phải có hiếu. Rồi ở dưới mấy người mà mau nước mắt cứ sụt sùi. Có người làm mẹ mà nhớ con bất hiếu, khóc rồi khóc. Có người làm mẹ mà nhớ mấy đứa con có hiếu ở xa cũng khóc. Con tự thấy mình bất hiếu cũng khóc. Nói chung nguyên một cái buổi Vu Lan 2 tiếng đồng hồ, mạnh ai quờn là khóc.

Hoặc là Phật Đản, bao nhiêu năm trời không có gì để nói, cứ kể tới kể lui Thái tử đi 7 bước hay 8 bước gì đó, rồi dưới chân có bông sen, bông súng gì đó. Có bao nhiêu đó mà kể hoài. Rồi khen bà con có phước nhiều, bà con mới có mặt ở đây để nghe tui tán. Cứ như vậy mấy chục năm trời mà cái đầu bư thì nó tiếp tục bư.

Cho nên cái quan trọng ở bài kinh này là gợi ý cho ta thấy: Hãy cẩn thận với những gì mắt thấy tai nghe. Coi chừng về ngoài thú vị mà nội hàm thì zero.

Bốn trí vô ngại

Đoạn kết bài kinh này Đức Phật dạy: Nay các Tỳ kheo, có 4 hạng Pháp Sư như vậy đó. Nhưng mà phải nhớ rằng không bao giờ có trường hợp này:

Vị thành tựu 4 trí vô ngại sẽ không bị bế tắc trong ngôn từ hay nghĩa lý: nghĩa vô ngại, pháp vô ngại, từ vô ngại, paṭibhāna. Paṭibhāna thường bị dịch là biện tài, nhưng trong 4 trí vô ngại phải hiểu là vừa biện tài, vừa khả năng ứng khẩu tại chỗ.

Atthapaṭisambhidā thường dịch là nghĩa vô ngại, nhưng ta phải hiểu rằng chữ attha này có nhiều nghĩa. Attha ở đây có nghĩa là: nghĩa lý, kết quả, điểm cuối.

1. Nghĩa vô ngại giải gồm có hai: nhìn quả suy ra nhân, hoặc nghe ai nói cái gì là cũng hiểu điều người ta nói.
2. Pháp vô ngại giải có nghĩa là: nhìn đâu hay nghe gì cũng thấy ra giáo pháp, và cũng có nghĩa là nhìn nhân đoán ra quả.
3. Từ vô ngại giải, niruttapaṭisambhidā, cũng có hai nghĩa:

Không thiếu ngôn từ diễn đạt. Tức vị này có khả năng diễn đạt không giới hạn.

Trường hợp đặc biệt thì còn có khả năng khó tin về ngoại ngữ. Vị đó chưa từng học thứ tiếng đó, nhưng nghe người ta nói thì vị đó hiểu. Tùy vị Thánh nào mà có được khả năng này nhiều hay ít.

Điều này không phải ai muốn cũng được. Ví dụ, có những người cũng là người Việt Nam, nói năng thông thạo nhưng viết lại dở ẹc. Có người viết rất hay nhưng nói rất tệ. Có người nói và viết đều tệ. Có người nói và viết đều hay.

Từ vô ngại giải có điểm đặc biệt là khả năng sử dụng ngôn ngữ của các bậc Thánh luôn giống nhau là tránh gây hiểu lầm, as possible. Đó là lý do khi Đức Phật định nghĩa điều gì rồi thì Ngài Xá Lợi Phất nhắc lại y chang, không mất một dấu phẩy. Và Ngài Xá Lợi Phất đã nói rồi thì vị Sa di 7 tuổi phải nhắc lại y chang. Mà ông Sa di đó mà nhắc rồi thì Visākhā mai một mà có nhắc lại là không dám bỏ dấu phẩy nữa.

Là vì đâu? Là vì Thế Tôn đã cân nhắc dùng chữ A mà không dùng chữ B. Tại sao? Tại sao xài chữ đó? Vì hạn chế tối đa khả năng gây hiểu lầm.

Sẵn đây tôi nói luôn, vì đâu mà trong kinh hễ nói về Khổ đế là từ Đức Thế Tôn trong thời pháp Chuyển Pháp Luân đầu tiên cho đến lúc Niết-bàn, cứ nói về Khổ đế là luôn luôn và luôn cứ công thức đó thôi. Là bởi vì trong Phật trí của Đức Phật, nói như vậy là cách tốt nhất. Và từng chữ có thể đem ra giải thích, từng chữ trong mỗi câu nói của Ngài là đã động đến một vấn đề.

Tôi biết tôi nói có nhiều vị không có tin, nhưng có đọc nguyên văn tiếng Pali mới tin điều này. Từng chữ của Phật dùng trong mỗi context đều có dụng ý và chủ ý, không phải tùy tiện như ta nghĩ.

Đọc đến chú giải chỗ này là da gà, da ngỗng, da đà điều nó nổi lên cuồn cuộn. Khi mà Ngài nhìn vào cái tâm của người đối diện, Ngài biết người này chỉ có 3 giây để nghe thôi, bởi vì 3 giây đó là 3 giây ba-la-mật của họ nó đang làm việc hết công suất. Ngài nói như thế nào mà nó vừa khít trong cái thời lượng đó thôi. Là trong thời lượng đó Ngài nói cái gì nó chạm.

Ví dụ: người đó hỏi Ngài: “Ở đâu con có mặt ở đời? Từ đâu con có mặt ở đời?” Thì Ngài chỉ nói một chuyện thôi, đó là: “Do duyên con đến và do duyên con đi”, không dư một chữ. Chừng đó chữ, chừng đó âm thanh, âm lượng và thời lượng, nó gắn vào, nó vừa khít cái nội tâm người nghe.

Trích nguyên văn Pali trong kinh nói: Đức Thế Tôn Ngài đang đi bát, mà ông Bahiya quỳ dưới chân Đức Phật nói:

“Bạch Thế Tôn! Xin hãy thuyết pháp cho con. Xin Thiện Thệ hãy thuyết pháp cho con.”

Đức Phật từ chối:

“Phi thời rồi. Như Lai đang đi khát thực mà thuyết pháp cái gì?”

Tự nhiên ông nói thế này:

“Bạch Thế Tôn, không biết là Thế Tôn sẽ viên tịch hay con sẽ mất đi trước khi mà Thế Tôn thuyết pháp. Thôi thì con xin Thế Tôn thuyết pháp cho con nghe.”

Lúc đó Đức Phật tại sao mà Ngài từ chối? Thật ra là buổi sáng hôm đó Ngài đã biết rồi. Ngài biết là bữa nay ta đi bát đến quãng đường đó sẽ gặp con người đó. Cái con người này là ai? Đã tu tập 100.000 đại kiếp, con người này khả năng tốc chứng đặc nhanh nhất trong đệ tử của ta. Và người này gặp ta rồi, ta phải nói cái gì rồi, là người này đặc La Hán xong là chết liền, không kịp để gặp ta nữa. Ngài biết hết, nhưng mọi chuyện diễn ra giống như là tình cờ vậy đó.

Khi mà ông năn nỉ Ngài ba lần, mà tại sao Ngài từ chối? Ông mới gặp Ngài, ông nhìn cái dung nghi diện mạo của Ngài là cái niềm hoan hỷ nó dâng trào, có nghĩa là năm quyền: tín, tấn, niệm, định, tuệ, nó không cân bằng. Bởi vì khi nó trào như vậy đó, thì cái định nó nằm ở đâu, cái niệm nó nằm ở đâu? Thế là không được.

Khi mà Ngài từ chối thì cái tâm ông nó lắng xuống. Ngay cái lúc lắng xuống đó là Ngài bảo:

“Thôi được, ta sẽ nói vắn tắt: Thấy chỉ là thấy, ở đây không có ai thấy. Nghe chỉ là nghe, ở đây không có ai nghe. Ngủ, nếm, đụng và suy nghĩ cũng vậy. Chỉ có sự ngủ, sự nếm, sự đụng mà không có ai ngủ, đụng và suy nghĩ. Có thấy như vậy thì con sẽ không bị mắc kẹt trong đây. Mà khi con không còn bị mắc kẹt bởi quá khứ, hiện tại, vị lai thì con sẽ không còn cái chỗ nào để tái sanh nữa.”

Ngài nói như vậy rồi Ngài ôm bát Ngài đi. Ông nghe như vậy, ông bước vào bên lề đường, vô gốc cây ngồi xếp chân một cái, nghe gió thổi và một cái lá rụng xuống, ông đắc cái rọc. Vừa khít, không dư không thiếu. Nó khiếp như vậy đó quý vị.

Mình không có duyên gặp Phật mà lại không có duyên coi kinh Chánh tạng bằng cái chữ gốc. Mình không có ngờ được kinh điển từng chữ như vậy.

Bây giờ tôi gợi ý như thế này cho các vị tin nè. Thí dụ như thơ lục bát đi. Nếu mình nói bằng văn xuôi thì mình muốn nói gì mình nói, muốn xài chữ nào mình xài. Nhưng mà trong lục bát thì không. Khi mình đã làm thơ thất ngôn tứ cú, hay thơ ngũ ngôn, hay thơ lục bát, cái hàng nó là hàng sáu thì các vị ráng rặn, ráng mò làm sao mà chỉ ghép vào đó được sáu chữ thôi. Và phía sau là câu tám thì các vị phải loay hoay làm sao, nên nhớ, các vị chỉ có tám chữ để diễn ý đó thôi.

Tôi ví dụ như câu thơ của Đồng Đức Bốn:

“Văng em ra ngõ kéo diều,

Ai ngờ được mảnh trăng chiều trên tay.”

Cái ý của nó sâu kinh khủng lắm. Là ông nói được cái chuyện tình, cái chuyện là ông nhớ gái. Ông nhớ được cái chuyện, và ông nói được cái chuyện là ông yêu trăng. Ông nói được cái ý mà ông tả được cái tình mà chỉ trong có hai câu thôi quý vị. Còn cái câu nào hay hơn như vậy nữa? Là trời cho ông chỉ có mười bốn chữ chia hai hàng thôi, hàng trên sáu, hàng dưới tám. Còn anh phải loay hoay làm sao trong mười bốn chữ đó, anh phải gói được cái tâm, tình, niềm, nỗi của anh trong đó.

“Đang trưa ăn mỳ vào chùa,

Sư ra cho một lá bùa rồi đi.

Lá bùa chẳng biết làm gì,

Ăn mỳ nhét túi lại đi ăn mỳ.”

Chỉ có bốn câu đó thôi của Đồng Đức Bốn nhưng tôi mê dữ lắm. Ông nói được bao nhiêu cái tâm tình của tôi. Tôi đi dạy đạo một đời rồi cuối cùng thì sao? Là ông thầy chùa trong cái ngôi chùa đó, ngôi chùa là quý vị Phật tử đến xin pháp. Quý vị yêu cầu dạy, yêu cầu giảng thì tôi giảng. Vào nghe pháp cho đã rồi nó quay lại cái cuộc đời phàm tình, rồi nó tiếp tục u mê như cũ. Ngày qua tháng lại quay về chùa nghe pháp tiếp.

Mà mình kêu: nhớ nha, cái này quan trọng nha, cái này xăm lên người nha... Cứ mình dặn mỗi mồn mà nó bướng, nó vẫn tiếp tục bướng. Nó y như là cái câu của ông Đồng Đức Bốn như vậy. Gọn lắm, chỉ có mấy chữ thôi.

Hoặc như Kiều của Nguyễn Du có một câu thôi, rất là tục mà cũng rất là thánh:

“Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên.”

Câu này ngắn mà tục vô cùng, nó sạch vô cùng, nó sang vô cùng, nó gợi tình, gợi cảm vô cùng. May là đó là cái tác phẩm của phàm phu: tham, sân, si còn một núi mà nó hay như vậy, thì nói chi là ngôn từ của bậc Thánh, quý vị.

Chúc quý vị một ngày vui.